BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY 31/03/2025

28/03/2025	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,317.46	-0.48%	1,373.93	-0.46%	238.20	-0.56%
Tổng KLGD (tr. cp)	**739.98**	**10.01%**	**248.79**	**-14.81%**	**61.51**	**1.56%**
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	**636.94**	**12.82%**	**208.18**	**-6.57%**	**54.68**	**18.77%**
TB 20 phiên (tr. cp)	823.07	-22.61%	302.10	-31.09%	58.37	-6.33%
Tổng GTGD (tỷ VND)	**17,096**	**6.22%**	**8,168**	**-10.45%**	**992**	**-2.22%**
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	**14,353**	**12.57%**	**6,389**	**0.43%**	**920**	**18.35%**
TB 20 phiên (tỷ VND)	18,226	-21.25%	8,991	-28.94%	1,030	-10.65%
Số mã tăng	152	29%	6	20%	72	32%
Số mã giảm	293	56%	18	60%	90	40%
Số mã đứng giá	81	15%	6	20%	62	28%

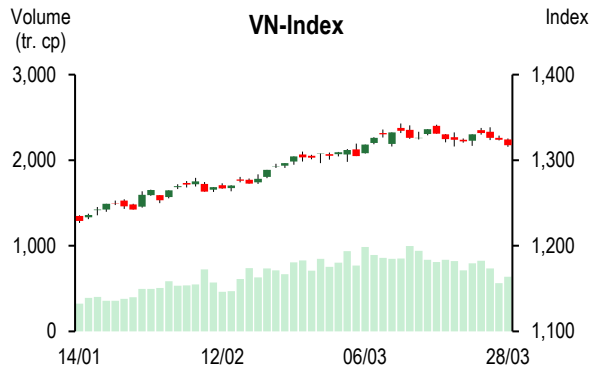

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Lực bán tiếp tục chiếm ưu thế đẩy chỉ số đóng cửa trong sắc đỏ. Thanh khoản gia tăng so với phiên trước nhưng vẫn thấp hơn trung bình 10 ngày. Độ rộng thị trường nghiêng hẳn về số mã giảm giá. Tâm lý giao dịch thận trọng trước mức thuế mới của Hoa Kỳ. Tổng thống Trump đã tuyên bố áp thuế 25% đối với ô tô nhập khẩu vào Mỹ bắt đầu từ tuần tới mà không có nhiều thay đổi so với kỳ vọng. Phố Wall và những thị trường lớn khác cũng sụt giảm với sức ép từ đà giảm của cổ phiếu ngành ô tô. Nhóm cổ phiếu blue-chip trong nước bị điều chỉnh mạnh. Điều này cho thấy dòng tiền đang phân hóa vào câu chuyện riêng của doanh nghiệp và mang tính đầu cơ nhiều hơn. Sắc xanh hạn chế ghi nhận ở nhóm Nhựa, Cao Su, Chứng khoán, ngược lại, nhóm Công nghệ, Bán lẻ, Dầu khí, Viễn thông, phản ứng kém khả quan nhất. Về mặt điểm số, đóng vai trò nâng đỡ là lực kéo từ VIC, LPB, BSI, trong khi VCB, FPT, HPG kìm hãm. Khối ngoại bán ròng phiên nay 406,6 tỷ, tập trung ở PNJ, VNM, FPT.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Về mặt kỹ thuật, với phiên giảm điểm hôm nay, VN-Index đã đánh mất hỗ trợ 1320 điểm làm gia tăng xác suất mở rộng nhịp điều chỉnh. Các chỉ báo chưa có nhiều cải thiện và vẫn trong đà suy yếu, chỉ có điểm sáng khi thanh khoản duy trì mức thấp cho thấy lực cung chưa gây áp lực lớn lên xu hướng trung hạn. Tuy nhiên, dòng tiền đang phân hóa mạnh dẫn đến lực bán vẫn xảy ra theo hướng cục bộ ở từng nhóm cổ phiếu, và đà hồi phục (nếu có) sẽ không đồng đều mà mang tính chọn lọc. Sức ép bán ra cũng diễn biến ở VN30 nhưng khớp lệnh thấp hơn, khả năng tiếp tục kiểm định hỗ trợ 1370 - 1375 điểm. Đối với HNX-Index, đà giảm chi phối có thể khiến chỉ số hạ nhiệt về mức 235. Nhìn chung, trạng thái nên thận trọng hơn, cân nhắc kịch bản VN-Index lùi về khu vực tâm lý 1300 điểm. Chiến lược: Duy trì tỷ trọng danh mục ở mức trung bình, chủ động cơ cấu và hạ tỷ trọng với những cổ phiếu bị vi phạm.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ: Bán QTP

(Xem chi tiết ở trang 2)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	QTP	Bán	31/03/2025	13.81	13.80	0.1%	15.0	8.7%	13.6	-1.4%	Đi ngang lâu dễ mất đà

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	KBC	Nắm giữ	28/03/2025	29.90	30.30	-1.3%	34	12.2%	28.5	-5.9%	
2	DXG	Mua	20/03/2025	16.10	16.75	-3.9%	18.5	10.4%	15.8	-6%	
3	POW	Mua	24/03/2025	12.80	12.45	2.8%	13.5	8.4%	12	-4%	
4	BVB	Mua	25/03/2025	14.01	14.5	-3.4%	16	10.3%	13.8	-5%	
5	GVR	Mua	26/03/2025	34.80	34.6	0.6%	38	9.8%	33	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Ngành quỹ chỉ chiếm 6% GDP, Chủ tịch UBCKNN nêu 5 giải pháp trọng tâm thúc đẩy tăng trưởng

Sáng ngày 28/3/2025, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tài chính tổ chức Hội nghị Quỹ đầu tư và Đầu tư nước ngoài trong kỷ nguyên phát triển mới của Việt Nam..

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ tài chính Nguyễn Văn Thắng cho năm 2024 đánh dấu một năm thành công của nền kinh tế và thị trường vốn với tổng mức vốn huy động đạt gần 930 nghìn tỷ đồng, cao gấp 1,3 lần so với năm 2023, tương đương 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đến hết năm 2024 đạt 62,5% GDP, dư nợ thị trường trái phiếu đạt 31,5%GDP; nhà đầu tư nước ngoài đã mở gần 48.000 tài khoản đầu tư với tổng giá trị giao dịch gần 1,1 triệu tỷ đồng.

Cùng với sự lớn mạnh của thị trường chứng khoán, ngành quỹ đầu tư tại Việt Nam không ngừng phát triển, thể hiện qua sự gia tăng mạnh mẽ về số lượng và quy mô. Hiện cả nước có 43 công ty quản lý quỹ với 123 quỹ đầu tư chứng khoán, tổng tài sản quản lý đạt hơn 750 nghìn tỷ đồng, gấp hơn 7 lần so với năm 2014. Đặc biệt, sự ra đời của các quỹ mở, quỹ ETF và quỹ bất động sản đã góp phần đa dạng hóa lựa chọn đầu tư, trong đó quỹ mở và quỹ ETF chiếm 86% tổng giá trị tài sản ròng nhờ ưu thế về thanh khoản cao, danh mục đầu tư linh hoạt và tính minh bạch.

Mặc dù đã đạt được những thành công nhất định, tuy nhiên, theo Chủ tịch UBCKNN, ngành quỹ tại Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa để mở rộng, khi tổng tài sản quản lý tại các công ty quản lý quỹ mới chỉ chiếm gần 6% GDP, thấp hơn đáng kể so với các nước trong khu vực.

Theo bà Vũ Thị Chân Phương, việc thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của ngành quỹ không chỉ giúp thu hút dòng vốn dài hạn mà còn góp phần xây dựng một cơ sở nhà đầu tư ổn định và bền vững hơn.

Hàng tỉ USD của nhà đầu tư sắp đổ về Bình Định

Sáng 28-3, tại TP Quy Nhơn đã diễn ra Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Bình Định năm 2025.

Tại hội nghị, lãnh đạo tỉnh Bình Định đã trao bản ghi nhớ hợp tác đầu tư, trao quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 62 dự án với tổng vốn đăng ký hơn 231.000 tỉ đồng. Trong đó, có 16 dự án trao quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đăng ký hơn 17.000 tỉ đồng; 42 dự án trao bản ghi nhớ hợp tác đầu tư với tổng vốn đăng ký đầu tư các dự án trong nước là 73.150 tỉ đồng, dự án nước ngoài hơn 1,1 tỉ USD; 4 dự án đã ký kết bản ghi nhớ trước đó với tổng vốn đăng ký 4,3 tỉ USD.

Nguồn: Cafef

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

ĐHĐCĐ bất thường Petrolimex: Thông qua việc sáp nhập TCT Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex vào Tập đoàn

Sáng 28/3/2025, Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, mã chứng khoán PLX) tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025, thông qua việc sáp nhập và phương án sáp nhập Tổng Công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex vào Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam với tỷ lệ tán thành 100%.

Đây là một trong những hoạt động của quá trình tái cơ cấu, tinh gọn lại bộ máy theo Đề án tái cơ cấu lại Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2035.

Vingroup muốn làm LNG Hải Phòng 5.000 MW, dự thảo điều chỉnh Quy hoạch điện VIII chỉ 'cho' 1.600 MW và lùi 5 năm

Mới đây, Tập đoàn Vingroup (mã chứng khoán VIC) đã đề xuất phê duyệt bổ sung các dự án điện năng lượng tái tạo và nhà máy nhiệt điện khí LNG vào Quy hoạch điện VIII (PDP VIII) điều chỉnh và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch VIII điều chỉnh.

Với nhà máy nhiệt điện LNG , tập đoàn đề nghị bổ sung dự án nhà máy nhiệt điện LNG tại Hải Phòng vào Quy hoạch VIII. Nhà máy nhiệt điện LNG Hải Phòng có công suất 5.000 MW, thời gian thực hiện 2025-2030, tổng mức đầu tư khoảng 5,5 tỷ USD.

DIG muốn vay ngân hàng hơn 2.2 ngàn tỷ, chào bán 150 triệu cp giá 12,000 đồng/cp

Với việc chào bán bất thành 200 triệu cp giá 15,000 đồng/cp trong năm 2024, DIG tiếp tục lên kế hoạch chào bán 150 triệu cp cho cổ đông hiện hữu giá 12,000 đồng/cp, thấp hơn 39% so với thị giá. Chưa dừng tại đó, DIG muốn vay thêm ngân hàng hơn 2.2 ngàn tỷ đồng để góp vốn vào các dự án.

Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (HOSE: DIG) dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025 vào chiều 18/04 tại trung tâm hội nghị Aurora Event Center ở số 169 Thùy Vân, phường 8, TP. Vũng Tàu theo hình thức trực tuyến.

Theo tài liệu họp, DIG trình cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025 với tổng doanh thu hợp nhất 3,500 tỷ đồng - là mức cao kỷ lục của doanh nghiệp - và lợi nhuận trước thuế 718 tỷ đồng, lần lượt gấp 2.4 và 4.5 lần so với thực hiện 2024. Công ty dự kiến tỷ lệ cổ tức từ 7-10%.

Nguồn: Cafef, Vietstock

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
VIC	58,000	1.58%	0.06%
LPB	33,450	1.36%	0.02%
BSI	59,000	4.80%	0.01%
VCF	255,100	6.96%	0.01%
BMP	123,400	3.70%	0.01%

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
HHC	131,600	9.76%	0.05%
IDV	35,000	6.06%	0.02%
VIF	18,000	1.12%	0.02%
TIG	11,400	2.70%	0.02%
PIC	21,400	8.63%	0.01%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
VCB	64,800	-1.07%	-0.11%
FPT	124,000	-1.74%	-0.06%
HPG	27,150	-1.27%	-0.04%
VNM	60,300	-1.31%	-0.03%
PLX	39,800	-2.81%	-0.03%

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
KSV	187,200	-1.47%	-0.15%
DTK	13,500	-5.59%	-0.14%
HUT	15,200	-3.18%	-0.12%
PVS	31,900	-1.54%	-0.06%
KSF	68,000	-1.02%	-0.05%

TOP 5 GIAO DỊCH KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
HPG	17,090,800	465.8
SSI	17,629,676	463.2
VND	27,962,963	439.9
MWG	7,231,956	431.1
VIX	34,021,503	427.6

HNX

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
SHS	8,044,708	117.6
MBS	3,569,748	107.0
PVS	2,398,920	76.9
CEO	5,266,691	76.2
IDC	1,288,920	68.5

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE

Mã CK	Khối lượng thỏa thuận (cổ phiếu)	GT thỏa thuận (tỷ đồng)
MSN	16,371,600	1,135.4
VIX	17,030,000	216.5
GEE	3,330,000	216.5
MSB	15,380,000	172.9
HDB	5,189,800	119.2

HNX

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị thỏa thuận (tỷ đồng)
TPP	3,000,000	34.5
DL1	2,535,000	16.1
TIG	719,000	8.0
HUT	250,000	3.8
IDC	47,000	2.5

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Sàn	Khối lượng mua (triệu cổ phiếu)	Giá trị mua (tỷ đồng)	Khối lượng bán (triệu cổ phiếu)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Khối lượng ròng (triệu cổ phiếu)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
HOSE	63.10	1,660.52	64.60	2,065.25	(1.50)	(404.73)
HNX	1.09	27.15	2.20	54.01	(1.11)	(26.86)
Tổng 2 sàn	**64.19**	**1,687.67**	**66.80**	**2,119.25**	**(2.60)**	**(431.59)**

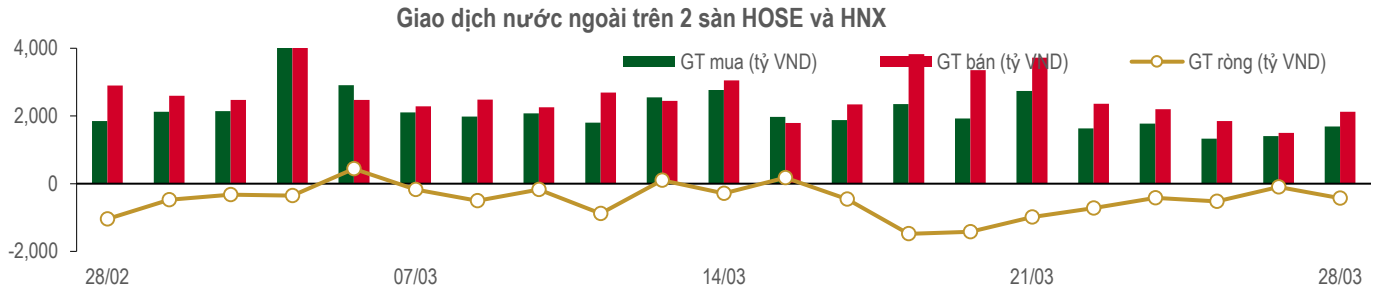

TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
VIX	12,550	17,017,700	216.36
MWG	59,800	2,200,300	131.23
VHM	51,200	2,059,129	105.63
TCB	27,550	2,718,500	80.60
VND	15,700	5,091,690	80.02

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
IDC	53,500	136,200	7.24
NTP	67,800	60,600	4.13
MBS	30,000	109,500	3.27
TNG	21,900	125,100	2.73
PVS	31,900	42,000	1.36

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PNJ	82,000	2,595,474	214.85
VNM	60,300	2,796,814	169.30
FPT	124,000	1,137,725	141.97
MWG	59,800	2,359,800	140.86
TCB	27,550	3,071,500	89.96

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PVS	31,900	697,300	22.42
IDC	53,500	236,556	12.58
CEO	14,300	319,800	4.63
SHS	14,700	228,900	3.34
TNG	21,900	109,700	2.39

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
VIX	12,550	16,676,100	212.06
VND	15,700	4,768,190	74.95
VHM	51,200	971,383	49.84
GVR	34,800	1,122,398	39.59
VCI	38,100	968,070	36.68

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
NTP	67,800	43,200	2.93
MBS	30,000	68,775	2.03
TIG	11,400	116,800	1.32
VTZ	17,600	71,200	1.25
BVS	38,600	20,200	0.78

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PNJ	82,000	(2,049,174)	(169.44)
VNM	60,300	(2,449,414)	(148.27)
FPT	124,000	(712,283)	(88.93)
VCB	64,800	(937,551)	(61.02)
SHB	12,700	(4,488,563)	(56.64)

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PVS	31,900	(655,300)	(21.07)
IDC	53,500	(100,356)	(5.33)
CEO	14,300	(319,600)	(4.63)
SHS	14,700	(228,000)	(3.33)
OCH	6,500	(138,000)	(0.84)

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CÁC CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	% thay đổi	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
E1VFVN30	0.0%	153,511	3.69
FUEMAV30	0.0%	315	0.01
FUESSV30	-1.1%	9,400	0.16
FUESSV50	0.8%	12,300	0.25
FUESSVFL	3.5%	52,923	1.24
FUEVFVND	-1.0%	613,987	19.63
FUEVN100	2.8%	99,316	1.82
FUEIP100	4.1%	100	0.00
FUEKIV30	-0.2%	28,400	0.26
FUEDCMID	-0.3%	7,000	0.08
FUEKIVFS	0.0%	0	0.00
FUEMAVND	-0.6%	8,300	0.11
FUEFCV50	-1.0%	9,602	0.11
FUEBFVND	0.0%	0	0.00
FUEKIVND	0.0%	0	0.00
FUEABVND	0.0%	0	0.00
Tổng cộng		**995,154**	**27.37**

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	Giá trị mua (tỷ đồng)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
E1VFVN30	0.04	1.48	(1.44)
FUEMAV30	0.00	0.00	(0.00)
FUESSV30	0.01	0.15	(0.14)
FUESSV50	0.02	0.06	(0.04)
FUESSVFL	0.27	0.00	0.27
FUEVFVND	8.79	4.99	3.79
FUEVN100	0.02	1.54	(1.52)
FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	0.00	0.00	(0.00)
FUEDCMID	0.03	0.05	(0.02)
FUEKIVFS	0.00	0.00	0.00
FUEMAVND	0.10	0.11	(0.01)
FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
FUEKIVND	0.00	0.00	0.00
FUEABVND	0.00	0.00	0.00
Tổng cộng	**9.27**	**8.38**	**0.89**

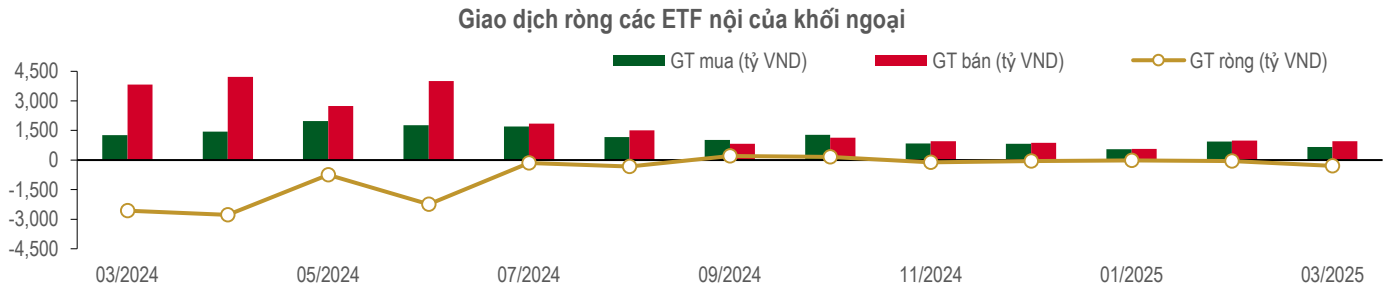

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Biến động giá của một số quỹ ETF nội từ ngày 01/03/2024-28/03/2025

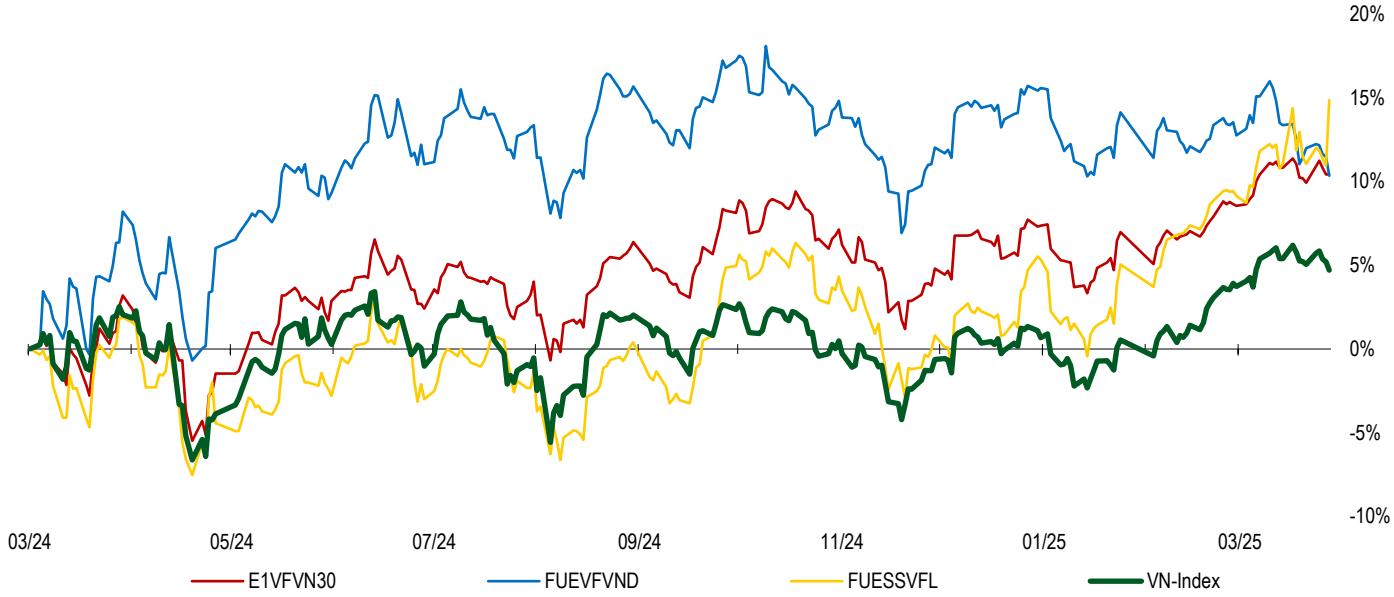

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ ĐẢM BẢO

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CACB2403	360	-2.7%	977,200	31	25,950	294	(66)	25,000	4.00	24/04/2025
CACB2404	600	-1.6%	894,400	122	25,950	445	(155)	25,000	4.00	24/07/2025
CACB2405	590	-6.3%	31,000	47	25,950	248	(342)	25,500	4.00	12/05/2025
CACB2501	1,020	-3.8%	15,700	122	25,950	706	(314)	24,500	3.00	24/07/2025
CACB2502	1,820	1.1%	11,300	363	25,950	709	(1,111)	28,000	2.00	24/03/2026
CACB2503	1,330	0.8%	14,700	213	25,950	606	(724)	27,000	2.00	23/10/2025
CACB2504	580	-3.3%	198,900	59	25,950	399	(181)	26,000	2.00	22/05/2025
CACB2505	1,400	-4.1%	100	195	25,950	482	(918)	26,300	3.00	07/10/2025
CACB2506	620	0.0%	0	94	25,950	247	(373)	27,400	2.00	26/06/2025
CFPT2402	3,800	7.0%	17,500	122	124,000	890	(2,910)	134,064	3.97	24/07/2025
CFPT2403	580	-7.9%	16,554	31	124,000	142	(438)	134,064	3.97	24/04/2025
CFPT2404	2,300	-10.5%	19,400	221	124,000	824	(1,476)	120,161	14.90	31/10/2025
CFPT2405	2,010	-4.3%	18,800	139	124,000	411	(1,599)	134,064	9.93	12/08/2025
CFPT2407	390	0.0%	99	94	124,000	6	(384)	158,692	24.83	26/06/2025
CFPT2501	260	-7.1%	38,500	122	124,000	30	(230)	160,000	10.00	24/07/2025
CFPT2502	470	-7.8%	210,700	213	124,000	58	(412)	170,000	10.00	23/10/2025
CFPT2503	800	-14.9%	297,100	363	124,000	123	(677)	180,000	10.00	24/03/2026
CFPT2504	220	-4.3%	564,322	59	124,000	2	(218)	160,000	10.00	22/05/2025
CFPT2505	1,240	-6.1%	29,900	287	124,000	236	(1,004)	158,000	10.00	07/01/2026
CFPT2506	240	-4.0%	5,600	94	124,000	9	(231)	164,000	8.00	26/06/2025
CFPT2507	660	4.8%	600	130	124,000	74	(586)	155,000	8.00	01/08/2025
CFPT2508	1,150	2.7%	41,900	314	124,000	309	(841)	160,000	8.00	03/02/2026
CHDB2501	400	2.6%	28,900	94	22,250	161	(239)	24,800	2.00	26/06/2025
CHPG2402	510	-19.0%	109,500	54	27,150	176	(334)	28,177	2.73	19/05/2025
CHPG2406	900	-4.3%	112,600	214	27,150	377	(523)	28,000	4.00	24/10/2025
CHPG2407	530	-8.6%	828,800	31	27,150	347	(183)	26,000	4.00	24/04/2025
CHPG2408	730	-2.7%	50,600	122	27,150	367	(363)	27,000	4.00	24/07/2025
CHPG2409	1,860	-3.6%	331,700	221	27,150	1,075	(785)	25,000	3.00	31/10/2025
CHPG2410	980	0.0%	0	139	27,150	280	(700)	28,000	4.00	12/08/2025
CHPG2412	250	-10.7%	261,200	94	27,150	32	(218)	31,333	4.00	26/06/2025
CHPG2501	1,060	-7.8%	781,700	90	27,150	737	(323)	25,500	3.00	24/06/2025

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CHPG2502	1,030	-8.0%	42,600	182	27,150	526	(504)	27,500	3.00	24/09/2025
CHPG2503	940	-11.3%	292,300	59	27,150	503	(437)	27,000	2.00	22/05/2025
CHPG2504	1,540	-7.2%	20,400	213	27,150	560	(980)	29,000	2.00	23/10/2025
CHPG2505	2,270	-4.6%	26,800	363	27,150	709	(1,561)	30,000	2.00	24/03/2026
CHPG2506	1,210	-3.2%	18,500	287	27,150	486	(724)	27,800	4.00	07/01/2026
CHPG2507	470	-21.7%	7,700	94	27,150	181	(289)	29,600	2.00	26/06/2025
CHPG2508	2,010	-10.3%	4,500	209	27,150	981	(1,029)	27,000	2.00	21/10/2025
CHPG2509	820	-31.7%	204,900	130	27,150	352	(468)	28,000	3.00	01/08/2025
CHPG2510	1,310	-3.0%	3,100	314	27,150	523	(787)	29,000	3.00	03/02/2026
CMBB2402	2,320	1.3%	247,100	54	23,900	2,123	(197)	20,403	1.70	19/05/2025
CMBB2405	780	-1.3%	6,022,200	122	23,900	622	(158)	22,590	3.48	24/07/2025
CMBB2406	710	0.0%	204,200	31	23,900	654	(56)	21,721	3.48	24/04/2025
CMBB2407	1,850	1.1%	318,000	221	23,900	1,538	(312)	22,590	1.74	31/10/2025
CMBB2409	490	2.1%	58,800	94	23,900	166	(324)	25,099	4.34	26/06/2025
CMBB2501	1,630	-1.2%	140,400	122	23,900	1,328	(302)	20,852	2.61	24/07/2025
CMBB2502	2,050	1.0%	32,600	59	23,900	1,841	(209)	20,852	1.74	22/05/2025
CMBB2503	2,320	1.8%	18,800	213	23,900	1,517	(803)	22,590	1.74	23/10/2025
CMBB2504	2,780	1.5%	9,100	363	23,900	1,612	(1,168)	23,459	1.74	24/03/2026
CMBB2505	1,860	-0.5%	2,300	377	23,900	1,070	(790)	22,800	3.00	07/04/2026
CMBB2506	1,750	0.0%	0	94	23,900	983	(767)	23,025	1.74	26/06/2025
CMBB2507	1,700	-1.2%	110,500	314	23,900	1,166	(534)	24,000	2.00	03/02/2026
CMBB2508	1,260	0.0%	5,100	130	23,900	976	(284)	23,000	2.00	01/08/2025
CMSN2404	840	-11.6%	27,200	122	68,500	264	(576)	79,000	4.00	24/07/2025
CMSN2405	100	-37.5%	278,500	31	68,500	12	(88)	79,000	4.00	24/04/2025
CMSN2406	650	-5.8%	196,100	221	68,500	384	(266)	79,000	6.00	31/10/2025
CMSN2408	140	-17.6%	824,600	94	68,500	18	(122)	85,678	10.00	26/06/2025
CMSN2501	570	-9.5%	97,400	90	68,500	279	(291)	72,000	8.00	24/06/2025
CMSN2502	570	-13.6%	271,100	59	68,500	243	(327)	73,000	5.00	22/05/2025
CMSN2503	1,560	-7.1%	239,400	213	68,500	653	(907)	75,000	5.00	23/10/2025
CMSN2504	440	-2.2%	53,100	94	68,500	222	(218)	77,700	4.00	26/06/2025
CMWG2401	1,020	-7.3%	11,600	54	59,800	191	(829)	65,479	3.97	19/05/2025
CMWG2405	220	-18.5%	383,500	31	59,800	59	(161)	66,000	4.00	24/04/2025
CMWG2406	970	-6.7%	163,600	122	59,800	438	(532)	66,000	4.00	24/07/2025
CMWG2407	550	-5.2%	138,400	221	59,800	349	(201)	70,000	6.00	31/10/2025
CMWG2408	440	-15.4%	200	47	59,800	119	(321)	65,000	6.00	12/05/2025
CMWG2410	220	-8.3%	70,200	94	59,800	53	(167)	70,777	10.00	26/06/2025
CMWG2501	750	-16.7%	117,600	90	59,800	498	(252)	62,000	5.00	24/06/2025
CMWG2502	810	-9.0%	647,500	59	59,800	522	(288)	60,000	5.00	22/05/2025
CMWG2503	1,550	-4.3%	94,000	213	59,800	813	(737)	63,000	5.00	23/10/2025
CMWG2504	1,980	-3.9%	617,900	363	59,800	963	(1,017)	66,000	5.00	24/03/2026
CMWG2505	1,520	-5.6%	13,800	195	59,800	777	(743)	61,000	6.00	07/10/2025
CMWG2506	480	-4.0%	69,300	94	59,800	372	(108)	66,900	3.00	26/06/2025
CSHB2401	1,410	0.7%	59,900	47	12,700	1,316	(94)	10,365	1.80	12/05/2025
CSHB2403	1,170	0.9%	153,500	94	12,700	943	(227)	11,116	1.80	26/06/2025
CSHB2501	1,660	-0.6%	126,400	90	12,700	1,583	(77)	9,915	1.80	24/06/2025
CSTB2402	2,920	0.7%	387,701	54	38,250	2,793	(127)	30,000	3.00	19/05/2025
CSTB2408	770	1.3%	213,400	31	38,250	651	(119)	36,000	4.00	24/04/2025
CSTB2409	1,210	0.8%	167,300	122	38,250	925	(285)	36,000	4.00	24/07/2025
CSTB2410	1,110	-4.3%	287,700	221	38,250	1,157	47	38,000	3.00	31/10/2025
CSTB2411	1,580	0.0%	0	47	38,250	1,128	(452)	34,000	4.00	12/05/2025
CSTB2413	720	2.9%	3,000	94	38,250	369	(351)	39,679	4.00	26/06/2025
CSTB2501	2,200	2.3%	23,500	90	38,250	1,765	(435)	33,500	3.00	24/06/2025
CSTB2502	2,190	-1.4%	1,100	182	38,250	1,528	(662)	35,500	3.00	24/09/2025
CSTB2503	2,190	1.9%	100,000	59	38,250	1,879	(311)	35,000	2.00	22/05/2025
CSTB2504	2,750	2.6%	38,500	213	38,250	1,702	(1,048)	38,000	2.00	23/10/2025
CSTB2505	1,940	1.0%	100	195	38,250	791	(1,149)	40,000	3.00	07/10/2025
CSTB2506	1,800	-9.1%	800	94	38,250	1,086	(714)	38,100	2.00	26/06/2025
CTCB2403	820	-5.7%	964,600	221	27,550	648	(172)	26,000	5.00	31/10/2025
CTCB2404	1,360	0.0%	0	139	27,550	684	(676)	25,000	5.00	12/08/2025

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCB2406	380	-17.4%	97,300	94	27,550	260	(120)	27,979	5.00	26/06/2025
CTCB2501	2,520	-2.7%	804,200	122	27,550	2,040	(480)	24,000	2.00	24/07/2025
CTCB2502	2,110	-5.8%	97,000	59	27,550	1,872	(238)	24,000	2.00	22/05/2025
CTCB2503	2,370	-2.1%	226,000	213	27,550	1,596	(774)	26,000	2.00	23/10/2025
CTCB2504	1,370	-3.5%	37,400	287	27,550	758	(612)	24,500	6.00	07/01/2026
CTCB2505	1,690	0.0%	0	94	27,550	1,072	(618)	26,400	2.00	26/06/2025
CTCB2506	1,420	-9.0%	100	209	27,550	955	(465)	25,000	4.00	21/10/2025
CTPB2403	200	-4.8%	26,600	47	14,200	2	(198)	17,500	3.00	12/05/2025
CTPB2405	170	6.3%	1,200	94	14,200	2	(168)	18,999	4.00	26/06/2025
CTPB2501	350	0.0%	5,800	94	14,200	40	(310)	17,700	1.00	26/06/2025
CVHM2406	1,530	2.7%	18,400	122	51,200	959	(571)	50,000	4.00	24/07/2025
CVHM2407	900	2.3%	461,500	31	51,200	714	(186)	49,000	4.00	24/04/2025
CVHM2408	3,740	0.5%	263,500	221	51,200	3,509	(231)	38,000	4.00	31/10/2025
CVHM2409	2,560	2.4%	1,700	139	51,200	1,991	(569)	42,000	5.00	12/08/2025
CVHM2411	1,050	1.9%	319,200	94	51,200	622	(428)	50,555	5.00	26/06/2025
CVHM2501	2,000	0.0%	1,283,300	59	51,200	1,883	(117)	42,000	5.00	22/05/2025
CVHM2502	2,220	0.9%	80,600	213	51,200	1,626	(594)	45,000	5.00	23/10/2025
CVHM2503	2,440	2.1%	20,800	377	51,200	1,663	(777)	42,000	7.00	07/04/2026
CVHM2504	3,200	2.6%	19,500	94	51,200	3,692	492	44,500	2.00	26/06/2025
CVIB2402	500	-9.1%	474,500	54	19,800	225	(275)	20,515	1.71	19/05/2025
CVIB2405	1,000	-9.1%	306,600	31	19,800	931	(69)	18,000	2.00	24/04/2025
CVIB2406	550	-3.5%	127,600	122	19,800	376	(174)	19,000	4.00	24/07/2025
CVIB2407	1,760	-1.1%	36,700	221	19,800	1,277	(483)	18,000	2.00	31/10/2025
CVIB2408	660	0.0%	0	47	19,800	199	(461)	19,500	4.00	12/05/2025
CVIB2501	480	-4.0%	38,700	59	19,800	303	(177)	20,000	2.00	22/05/2025
CVIB2502	1,020	-3.8%	26,400	213	19,800	458	(562)	21,000	2.00	23/10/2025
CVIB2503	1,600	-4.2%	700	94	19,800	381	(1,219)	21,200	1.00	26/06/2025
CVIC2404	3,750	4.2%	286,000	31	58,000	3,773	23	43,000	4.00	24/04/2025
CVIC2405	4,060	3.6%	103,000	122	58,000	3,851	(209)	43,000	4.00	24/07/2025
CVIC2407	2,170	4.3%	169,000	94	58,000	1,895	(275)	48,999	5.00	26/06/2025
CVIC2501	3,640	4.0%	30,900	59	58,000	3,634	(6)	40,000	5.00	22/05/2025
CVIC2502	3,270	4.8%	71,400	213	58,000	2,781	(489)	45,000	5.00	23/10/2025
CVIC2503	5,180	23.3%	34,600	94	58,000	5,233	53	42,600	3.00	26/06/2025
CVJC2501	430	2.4%	5,500	94	96,000	108	(322)	106,100	6.00	26/06/2025
CVNM2401	440	-8.3%	441,700	54	60,300	85	(355)	63,331	7.68	19/05/2025
CVNM2405	70	-12.5%	537,510	31	60,300	4	(66)	67,472	3.97	24/04/2025
CVNM2406	330	-17.5%	459,100	122	60,300	104	(226)	68,464	3.97	24/07/2025
CVNM2407	540	0.0%	85,900	221	60,300	217	(323)	67,472	5.95	31/10/2025
CVNM2501	380	-7.3%	129,900	59	60,300	91	(289)	64,495	4.96	22/05/2025
CVNM2502	1,010	-6.5%	188,100	213	60,300	348	(662)	65,488	4.96	23/10/2025
CVNM2503	1,570	-4.8%	52,700	363	60,300	418	(1,152)	68,464	4.96	24/03/2026
CVNM2504	1,230	-8.2%	10,200	195	60,300	288	(942)	65,000	6.00	07/10/2025
CVNM2505	440	4.8%	8,600	94	60,300	77	(363)	67,800	4.00	26/06/2025
CVPB2401	450	4.7%	176,800	54	19,250	215	(235)	19,939	1.90	19/05/2025
CVPB2407	260	4.0%	1,535,100	122	19,250	107	(153)	21,000	4.00	24/07/2025
CVPB2408	100	-9.1%	356,900	31	19,250	25	(75)	21,000	2.00	24/04/2025
CVPB2409	560	0.0%	488,700	221	19,250	265	(295)	22,000	2.00	31/10/2025
CVPB2410	780	-1.3%	54,000	139	19,250	168	(612)	21,000	3.00	12/08/2025
CVPB2412	250	-7.4%	623,900	94	19,250	40	(210)	22,777	2.00	26/06/2025
CVPB2501	1,160	0.9%	236,200	213	19,250	560	(600)	20,000	2.00	23/10/2025
CVPB2502	1,520	-1.3%	39,500	363	19,250	622	(898)	21,000	2.00	24/03/2026
CVPB2503	630	1.6%	669,000	59	19,250	425	(205)	19,000	2.00	22/05/2025
CVPB2504	1,420	0.0%	122,500	377	19,250	556	(864)	20,000	3.00	07/04/2026
CVPB2505	980	0.0%	0	94	19,250	315	(665)	21,000	1.00	26/06/2025
CVPB2506	880	1.1%	97,400	192	19,250	480	(400)	20,200	2.00	02/10/2025
CVRE2405	560	-12.5%	878,800	31	19,500	489	(71)	19,000	2.00	24/04/2025
CVRE2406	540	-8.5%	422,400	122	19,500	436	(104)	19,000	4.00	24/07/2025
CVRE2407	2,140	-8.9%	929,000	221	19,500	2,107	(33)	16,000	2.00	31/10/2025
CVRE2408	1,010	0.0%	0	139	19,500	462	(548)	20,000	3.00	12/08/2025

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2410	230	-4.2%	41,100	94	19,500	119	(111)	21,888	4.00	26/06/2025
CVRE2501	880	-4.3%	88,700	90	19,500	717	(163)	18,000	3.00	24/06/2025
CVRE2502	1,480	-6.9%	223,900	59	19,500	1,358	(122)	17,000	2.00	22/05/2025
CVRE2503	1,830	-4.2%	57,700	213	19,500	1,407	(423)	18,000	2.00	23/10/2025
CVRE2504	2,950	0.0%	0	94	19,500	2,233	(717)	17,900	1.00	26/06/2025
CVRE2505	2,130	-7.4%	600	209	19,500	1,725	(405)	17,000	2.00	21/10/2025

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Ngày ra báo cáo	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
DGW	HOSE	19/03/2025	38,000	48,500	27.6%	Mua
DBD	HOSE	13/03/2025	54,900	68,000	23.9%	Mua
HAH	HOSE	17/02/2025	52,800	61,200	15.9%	Tăng tỷ trọng
PNJ	HOSE	11/02/2025	82,000	111,700	36.2%	Mua
HPG	HOSE	10/02/2025	27,150	32,400	19.3%	Tăng tỷ trọng
DRI	UPCOM	04/02/2025	15,352	15,100	-1.6%	Giảm tỷ trọng
DPR	HOSE	01/04/2025	52,300	43,500	-16.8%	Bán
VNM	HOSE	21/01/2025	60,300	72,500	20.2%	Mua
STB	HOSE	13/01/2025	38,250	38,800	1.4%	Nắm giữ
ACB	HOSE	31/12/2024	25,950	31,900	22.9%	Mua
MBB	HOSE	31/12/2024	23,900	31,100	30.1%	Mua
MSB	HOSE	31/12/2024	11,850	13,600	14.8%	Tăng tỷ trọng
SHB	HOSE	31/12/2024	12,700	12,400	-2.4%	Giảm tỷ trọng
TCB	HOSE	31/12/2024	27,550	30,700	11.4%	Tăng tỷ trọng
TPB	HOSE	31/12/2024	14,200	19,700	38.7%	Mua
VIB	HOSE	31/12/2024	19,800	22,900	15.7%	Tăng tỷ trọng
VPB	HOSE	31/12/2024	19,250	24,600	27.8%	Mua
CTG	HOSE	31/12/2024	41,350	42,500	2.8%	Nắm giữ
HDB	HOSE	31/12/2024	22,250	28,000	25.8%	Mua
VCB	HOSE	31/12/2024	64,800	69,900	7.9%	Nắm giữ
BID	HOSE	31/12/2024	39,100	41,300	5.6%	Nắm giữ
LPB	HOSE	31/12/2024	33,450	28,700	-14.2%	Bán
MSH	HOSE	31/12/2024	59,300	58,500	-1.3%	Giảm tỷ trọng
TCM	HOSE	31/12/2024	38,200	50,300	31.7%	Mua
IDC	HNX	31/12/2024	53,500	72,000	34.6%	Mua
SZC	HOSE	31/12/2024	41,850	49,500	18.3%	Tăng tỷ trọng
BCM	HOSE	31/12/2024	77,600	80,000	3.1%	Nắm giữ
SIP	HOSE	31/12/2024	91,500	88,000	-3.8%	Giảm tỷ trọng
IMP	HOSE	31/12/2024	45,550	41,800	-8.2%	Giảm tỷ trọng
VHC	HOSE	31/12/2024	62,000	83,900	35.3%	Mua
ANV	HOSE	31/12/2024	16,400	17,200	4.9%	Nắm giữ
FMC	HOSE	31/12/2024	47,350	50,300	6.2%	Nắm giữ
SAB	HOSE	31/12/2024	49,300	64,000	29.8%	Mua
MWG	HOSE	31/12/2024	59,800	73,600	23.1%	Mua
VSC	HOSE	31/12/2024	18,100	18,200	0.6%	Nắm giữ
GMD	HOSE	31/12/2024	58,000	71,000	22.4%	Mua
PVT	HOSE	31/12/2024	25,150	31,500	25.2%	Mua

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479 **Fax:** (84-28) 5 413 5472
Customer Service: 1900 25 23 58 **Call Center:** (84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn **Web:** www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060
Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4, D&D Tower,
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2,
Quận 3, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068
Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend,
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận
Tân Bình, Tp.HCM.
Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401
Fax: (+84-28) 3 813 2415

PGD Phú Mỹ Hưng
Tòa nhà CR2-08,
107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận
7, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478
Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi Nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phone: (+84-24) 6 250 9999
Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,
18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng,
Hải Phòng
Phone: (+84-22) 384 1810
Fax: (+84-22) 384 1801